

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 323/2021/HC-PT

Ngày 31 - 12 - 2021

V/v khởi kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 240/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2021 về “*Khởi kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10858/QĐ-PT ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Ông Hán Văn A, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Khu 5, xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà Hán Thị A1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Khu 7, xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ (theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020), có mặt.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) và Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông A3 Quang B2, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Ngọc B3, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện B, (theo văn bản ủy quyền số 19/GUQ-UBND ngày 15/12/2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hán Xuân A2, chức vụ: Chủ tịch UBND xã;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hán Đăng A3, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã (theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Hán Công A4, sinh năm 1965, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Khu 5, xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

3. Bà Phan Thị A5, sinh năm 1963, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Khu 8, xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

Người kháng cáo: Ông Hán Văn A do bà Hán Thị A1 đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm số: 02/2021/HC-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, nội dung vụ án như sau:

Ngày 04/8/2014, Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Phú Thọ ban hành Quyết định số 638/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định số 638) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hán Văn A; không đồng ý với Quyết định số 638 ông Hán Văn A tiếp tục có đơn khiếu nại nhiều nơi, ngày 23/10/2018 UBND huyện B, tỉnh Phú Thọ ban hành Văn bản số 1480/UBND-TNMT (sau đây gọi tắt là Văn bản số 1480) về việc trả lời kiến nghị của bà Hán Thị A1; không đồng ý với Quyết định số 638 và Văn bản số 1480, ngày 22/7/2020 ông Hán Văn A có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, đề nghị hủy Quyết định số 638 và Văn bản số 1480.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Năm 1980 gia đình ông Hán Văn A được Hợp tác xã B1 chia cho 01 thửa đất để trồng sắn tại đồi Khu Quan, khu 6, xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ có diện tích 360m² và cả đất vỡ hoang; gia đình ông A đã canh tác từ năm 1980 đến năm 1990, vì điều kiện con cái đi lấy chồng, đi làm ăn xa nên gia đình ông đã cho bà Phan Thị A5 mượn để canh tác, nhưng gia đình ông vẫn nộp thuế cho Nhà nước từ năm 1980 đến năm 1998 (đến khi Nhà nước không thu nữa); việc cho mượn đất tuy không có văn bản giấy tờ gì, nhưng đã được bà A5 thừa nhận tại Văn bản số 1480. Năm 2013 khi UBND huyện B có chủ trương thu hồi đất để cấp đất ở cho nhân dân, ông A có mặt tại thực địa để tham gia kiểm đếm tài sản, sau đó UBND xã B1 đã 02 lần có giấy mời ông A lên làm việc về thu hồi đất. Do thửa đất này đang có tranh chấp, nên UBND xã B1 đã để lại và bà A5 đã tự ý ký vào biên bản với ông A có nội dung “Hai hộ tự thỏa thuận, bà A5 nhận về bàn với chồng” và hẹn 15 ngày sau sẽ giải quyết, nhưng đến ngày thứ 10 (10/11/2013) do không thỏa thuận được nên ông A đã viết đơn đến UBND xã B1 đề nghị được hòa giải; mặc dù ông A2 (là Phó chủ tịch xã) nhận đơn, nhưng sau đó UBND xã

B1 không giải quyết mà trả lại đơn cho ông A, đồng thời trả lại toàn bộ số tiền bồi thường cho bà A5 mà ông A không được biết. Toàn bộ sự việc chưa được giải quyết nhưng lại có những văn bản, quyết định giải quyết; ông A ở khu 5, bà A5 ở khu 8 xã B1, nhưng lại giả mạo chữ ký của một số hộ dân ở khu 6 xã B1 để giải quyết và thực tế là không có cuộc họp nào.

Vì vậy, ông Hán Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 638 và Văn bản số 1480; đồng thời bồi thường tiền thu hồi đất 360m² là 18.630.000đ và bồi thường thiệt hại do gia đình ông A phải đi khiếu kiện đến các cơ quan chức năng với số tiền là 41.406.000đ.

** Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện B trình bày:*

Thửa đất số 81-1, tờ bản đồ số 34 thuộc đồi Khu Quan, khu 6, xã B1, huyện B, tỉnh Phú Thọ do hộ ông Hán Văn A sử dụng, canh tác khoảng từ năm 1981 đến khoảng năm 1990 thì không canh tác nữa; từ năm 1990 đến trước khi Nhà nước thu hồi đất (năm 2013) thì hộ gia đình bà Phan Thị A5 canh tác ổn định, liên tục, không có tranh chấp; theo hồ sơ địa chính xã B1 quản lý thì thửa đất trên là đất hoang (chưa sử dụng) do UBND xã quản lý, năm 2013 khi thực hiện kiểm kê đất đai tài sản trên đất để bồi thường, thu hồi đất, giao cho nhân dân làm nhà ở thuộc xã B1, hộ bà A5 đã kê khai, kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất. Do đất không có giấy tờ, không có tên trong hồ sơ địa chính, nên ngày 06/6/2013 khu dân cư số 6, xã B1 đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến khu dân cư để xác định nguồn gốc, thời điểm và quá trình sử dụng đất của các hộ, trong đó thửa đất số 81-1, tờ bản đồ số 34 của hộ bà A5 được xác định là đất tự khai phá, sử dụng ổn định không có tranh chấp từ khoảng năm 1990, kết quả lấy ý kiến khu dân cư phù hợp với nội dung rà soát về nguồn gốc đất, quá trình, thời điểm sử dụng đất tại Hội nghị ngày 07/9/2018 và các kết quả rà soát khác. Do đó, UBND huyện B đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với thửa đất số 81-1, tờ bản đồ số 34 tại khu vực Khu Quan, xã B1 cho hộ bà Phan Thị A5 là đúng quy định của pháp luật, nên việc ban hành Quyết định 638 giải quyết đơn khiếu nại của ông Hán Văn A là đúng quy định pháp luật.

Đối với Văn bản số 1480 trả lời khiếu nại của bà Hán Thị A1 có 02 nội dung:

- Về nội dung liên quan đến Quyết định số 638 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Hán Văn A, từ kết quả rà soát cho thấy việc phê duyệt phương án bồi thường đối với thửa đất số 81-1, tờ bản đồ số 34 khu vực Khu Quan, xã B1 cho hộ bà Phan Thị A5 là đúng quy định của pháp luật, mặt khác nội dung của bà Hán Thị A1 đề nghị giải quyết không có nội dung, tình tiết gì mới so với kết quả UBND huyện đã giải quyết tại Quyết định số 638, nên UBND huyện giữ nguyên nội dung bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án thu hồi và giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân xã B1, huyện B.

- Về nội dung đề nghị trả lại cho con trai bà là ông Lê Duy A6 số tiền 14.281.300đ do khi thực hiện giao đất làm nhà ở năm 2013 ông A6 nộp cho UBND xã số tiền 40.000.000đ, nhưng xã chỉ nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 25.718.700đ, UBND huyện B có ý kiến như sau: Năm 2013 ông Lê Duy A6 (con

bà A1) được xét giao đất tại khu vực đồi Khu Quan, khu 6, xã B1 diện tích đất được giao là 200m², giá đất thu tiền sử dụng đất là 200.000đ/m², số tiền sử dụng đất phải nộp là 40.000.000đ, ông A6 đã nộp số tiền này cho UBND xã B1; khi nộp tiền vào kho bạc Nhà nước huyện, UBND xã B1 nộp số tiền 25.718.700đ theo chứng từ số 0008719 ngày 15/12/2013 của kho bạc Nhà nước Phù Ninh, số tiền còn lại 14.281.300đ được xác định là tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất của các hộ bị thu hồi đất để giao đất làm nhà ở cho các hộ, số tiền này được ghi thu, ghi chi trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những kết quả trên, phía người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét không thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 638 và Văn bản số 1480 của UBND huyện B.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã B1, huyện B trình bày:* Cơ bản trình bày như ý kiến của phía người bị kiện; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hán Công A4 trình bày:* Như quan điểm của UBND xã B1 và quan điểm của UBND huyện B, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị A5 trình bày:* Thừa đất trên do gia đình bà khai hoang từ khoảng năm 1987 đến năm 1990 cùng với 07 thửa đất khác tại đồi Khu Quan, xã B1 và sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp từ đó đến khi thu hồi đất; bà không mượn đất của ông A, đây là đất bỏ hoang thuộc sự quản lý của UBND xã B1, không ai phải nộp thuế sử dụng đất từ năm 1987 đến khi Nhà nước thu hồi đất; giữa gia đình bà và gia đình ông A không có sự thỏa thuận nào về tiền được hưởng từ việc thu hồi đất. Việc bà A1 trình bày có sự thỏa thuận là không có cơ sở, nay ông A khởi kiện bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 7; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hán Văn A (do bà Hán Thị A1 đại diện) đề nghị:

- Hủy Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 23/10/2014 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hán Văn A, khu 5, xã B1 của Chủ tịch UBND huyện B.

- Hủy Quyết định số 1480/UBND-TNMT ngày 23/10/2018 của UBND huyện B về trả lời kiến nghị của bà Hán Thị A1.

- Bồi thường tiền thu hồi đất 360m² là 18.630.000đ.

- Bồi thường thiệt hại ông Hán Văn A đi khiếu kiện các cơ quan chức năng từ Trung ương đến địa phương là 41.406.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận được đơn kháng cáo đề ngày 08/3/2021 của bà Hán Thị A1 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Hán Văn A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hán Văn A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hán Thị A1 đại diện cho ông Hán Văn A giữ nguyên nội dung kháng cáo, nhưng đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Bà A1 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm pháp luật, khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất bà A1 đã có đơn kháng cáo đối với quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng Tòa án tỉnh Phú Thọ vẫn tiến hành xét xử, sau đó hoãn phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ nhưng không có quyết định hoãn phiên tòa; phiên tòa lần hai lại không có quyết định đưa vụ án ra xét xử; người bị kiện vắng mặt toàn bộ; chứng cứ đã được phía người khởi kiện cung cấp đầy đủ nhưng không được xem xét; diện tích đất 360m² là đất của ông A được Hợp tác xã giao từ những năm 1990 là thời điểm trước năm 1993, không phải đất công nên ông A đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất, nên đủ điều kiện để được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, UBND huyện B lại đền bù cho gia đình bà A5 là không đúng quy định; chính vì thế ông A mới khiếu nại nhưng Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 638 không chấp nhận khiếu nại của ông A là trái pháp luật. Vì vậy, ông A đã khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 638 và một phần Quyết định số 1480 liên quan đến trả lời khiếu nại của ông A và phần liên quan đến số tiền 14.281.300đ của Chủ tịch và UBND huyện B. Do đó, bà Hán Thị A1 đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã điều tra chưa đầy đủ, cụ thể:

Ngày 24/7/2020 ông A mới có đơn khởi kiện tại Tòa án là đã hết thời hạn 1 năm, theo quy định thì thời hiệu khởi kiện đã hết, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra thu thập chứng cứ xác định thời điểm ông A, bà A1 nhận được các quyết định hành chính bị khởi kiện; tại phiên tòa phúc thẩm bà A1 khẳng định không biết thời điểm nhận được các quyết định bị khiếu kiện.

Cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ thể hiện trình tự về giải quyết khiếu nại của ông A; không xác định thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện. Thửa đất số 81-1 có tranh chấp, đang giải quyết chưa có kết quả nhưng UB đã bồi thường cho gia đình bà A5 là chưa phù hợp, từ đó dẫn đến Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại của ông A bác khiếu nại là không đúng.

Cấp sơ thẩm chưa xem xét đến các quyết định hành chính có liên quan.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo; hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Phú Thọ về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hán Văn A và Văn bản số 1480/UBND-TNMT ngày 23/10/2018 của UBND huyện B, tỉnh Phú Thọ về trả lời kiến nghị của bà Hán Thị A1. Đây là quyết định hành chính cá biệt là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, người ban hành là UBND và Chủ tịch UBND cấp huyện nên thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, ngày 04/8/2014 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 638, ngày 23/10/2018 UBND huyện B ban hành Văn bản số 1480; đến ngày 24/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mới nhận được đơn khởi kiện của ông Hán Văn A, nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra, xác minh làm rõ thời điểm ông A, bà A1 nhận được, hoặc biết được việc Chủ tịch và UBND huyện B ban hành các quyết định nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 là người đại diện theo ủy quyền của ông A cũng không khẳng định được thời gian nhận được; trong hồ sơ vụ án không có bất kỳ tài liệu gì để chứng minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã không điều tra, xác minh tại cơ quan ban hành các quyết định hành chính về căn cứ giao các quyết định hành chính nêu trên cho các đương sự thời điểm nào, để xác định thời hiệu khởi kiện vụ án còn hay đã hết. Căn cứ cả hai bản sao quyết định hành chính có trong hồ sơ thì đến thời điểm người khởi kiện có đơn khởi kiện đều quá thời hạn 01 năm theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, nhưng đã thụ lý giải quyết và trong bản án sơ thẩm cũng không xem xét, đánh giá về thời hiệu khởi kiện vụ án là chưa đầy đủ, trái quy định của pháp luật.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được

triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, trong vụ án này ngoài người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định, thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ thành viên hộ gia đình bà A5 có những ai để đưa họ vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người liên quan.

[3] Về trình tự tạm ngừng phiên tòa: Ngày 22/01/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án, quá trình xét xử thấy cần thiết nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ; đến ngày 22/2/2021 Tòa án có thông báo mở lại phiên tòa, thời gian mở lại phiên tòa được ấn định vào 8 giờ 30 phút ngày 02/3/2021 là quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 187 Luật tổ tụng hành chính là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

** Về nội dung:*

[4] Xét về nguồn gốc của Quyết định số 638, thấy: Ngày 12/9/2013 UBND huyện B ban hành Quyết định số 2231/QĐ-UBND về việc thu hồi đất chi tiết của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện thu hồi giao đất cho nhân dân làm nhà ở tự xây tại xã B1, huyện B và ngày 27/9/2013 UBND huyện B ban hành Quyết định số 2481/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thu hồi và giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân, xã B1, huyện B, trong đó có hộ gia đình bà Phan Thị A5. Do không đồng ý với các quyết định này, nên ông Hán Văn A đã khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định số 638 để giải quyết khiếu nại. Như vậy, muốn xem xét được quyết định số 638 ban hành đúng quy định pháp luật hay không, phải xem xét đến các quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 và Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 là những quyết định hành chính có liên quan đã được ban hành đúng quy định pháp luật hay chưa; mặc dù người khởi kiện không khởi kiện đối với 02 quyết định này, nhưng căn cứ quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án phải xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của quyết định hành chính có liên quan. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đến tính hợp pháp, tính có căn cứ của 02 quyết định này là chưa giải quyết triệt để vụ án, chưa đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[5] Đối với Văn bản số 1480: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1480; theo văn bản này có 02 nội dung, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ mới xem xét một nội dung liên quan đến trả lời khiếu nại theo Quyết định số 638; còn nội dung đề nghị trả lại cho ông Lê Duy A6 số tiền 14.281.300đ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, xem xét có được giải quyết trong cùng vụ án này hay không là chưa xem xét đầy đủ nội dung vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ

để làm căn cứ giải quyết vụ án, chưa xem xét giải quyết triệt để nội dung vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; những vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm mới đảm bảo được quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại là có căn cứ.

[6] Do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại nên những nội dung kháng cáo của người kháng cáo sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí: Do bản án bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 02/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Hán Văn A không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thái Duy Nhiệm